

Phụ lục 10

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học kỳ: 2 – Năm học: 2025 – 2026

Môn học/Nhóm: Bóng Đá – HP (23401804)
CBGD: Nguyễn Thanh Bình

Số tín chỉ: 02

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	Điểm quá trình	Ghi chú
1	2125170046	Nguyễn Lê Quốc	An	27/10/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	8.0	8.0	7.0	7.5	
2	2124110340	Lê Nguyễn Ngọc Duy	Anh	19/10/2006	Công nghệ thông tin E	7.0	8.0	7.0	7.3	
3	2125030245	Ngô Công Gia	Bảo	18/04/2007	Công nghệ kỹ thuật cơ khí G	6.0	8.0	7.0	7.0	
4	2125030272	Nguyễn Kim Hải	Đăng	21/05/2007	Công nghệ kỹ thuật cơ khí G	6.0	8.0	7.0	7.0	
5	2125170055	Trần Hải	Đăng	09/11/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	8.0	8.0	7.0	7.5	
6	2125170003	Bùi Văn	Đạo	01/08/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	6.0	8.0	7.0	7.0	
7	2125170054	Cù Quốc Tiến	Đạt	18/03/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	8.0	8.0	7.0	7.5	
8	2125170052	Dương Tấn	Đạt	28/02/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	2.0	2.0	2.0	2.0	
9	2125030250	Luân Thành	Đạt	22/04/2007	Công nghệ kỹ thuật cơ khí G	2.0	2.0	2.0	2.0	
10	2125030242	La Ngọc	Duy	17/02/2007	Công nghệ kỹ thuật cơ khí G	2.0	2.0	2.0	2.0	
11	2125030258	Phạm Ngọc	Duy	08/02/2007	Công nghệ kỹ thuật cơ khí G	8.0	9.0	7.0	7.8	
12	2125030269	Nguyễn Tấn	Hào	19/10/2007	Công nghệ kỹ thuật cơ khí G	8.0	9.0	7.0	7.8	
13	2125030241	Hứa Trung	Hiếu	16/01/2007	Công nghệ kỹ thuật cơ khí G	0.0	0.0	0.0	0.0	
14	2125030254	Nguyễn Huỳnh Trung	Hiếu	21/07/2007	Công nghệ kỹ thuật cơ khí G	7.0	9.0	7.0	7.5	
15	2124110192	Phùng Văn	Hiếu	23/10/2003	Công nghệ thông tin F	6.0	8.0	7.0	7.0	
16	2125030263	Lê Huy	Hoàn	03/10/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí G	8.0	9.0	7.0	7.8	

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	Điểm quá trình	Ghi chú
17	2125030235	Nguyễn Ngọc	Hội	15/05/2006	Công nghệ kỹ thuật cơ khí G	8.0	9.0	7.0	7.8	
18	2125170059	Nguyễn Ngọc	Hùng	01/06/2006	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	8.0	9.0	7.0	7.8	
19	2125030243	Nguyễn Ngọc	Hưng	04/11/2007	Công nghệ kỹ thuật cơ khí G	0.0	0.0	0.0	0.0	
20	2125030255	Hoàng Đức	Huy	06/12/2006	Công nghệ kỹ thuật cơ khí G	7.0	9.0	8.0	8.0	
21	2125030232	Lê	Huy	16/10/2007	Công nghệ kỹ thuật cơ khí G	0.0	0.0	0.0	0.0	
22	2125030249	Lê Thái	Huy	30/11/2007	Công nghệ kỹ thuật cơ khí G	9.0	7.0	8.0	8.0	
23	2125030253	Ngô Thọ	Huy	16/03/2006	Công nghệ kỹ thuật cơ khí G	8.0	7.0	8.0	7.8	
24	2125030246	Kinh Quốc	Khánh	26/11/2007	Công nghệ kỹ thuật cơ khí G	2.0	2.0	2.0	2.0	
25	2125030268	Nguyễn Vi	Khiêm	27/12/2004	Công nghệ kỹ thuật cơ khí G	2.0	2.0	2.0	2.0	
26	2125030259	Võ Văn	Kỳ	21/08/2007	Công nghệ kỹ thuật cơ khí G	0.0	0.0	0.0	0.0	
27	2125170079	Trần Hoàng	Long	12/08/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	9.0	7.0	8.0	8.0	
28	2125030233	Huỳnh Trọng	Luật	09/01/2007	Công nghệ kỹ thuật cơ khí G	9.0	5.0	8.0	7.5	
29	2124330105	Cao Quốc	Minh	22/09/2006	Điện công nghiệp B	9.0	7.0	5.0	6.5	
30	2125030239	Nguyễn Lê Thành	Nam	07/12/2007	Công nghệ kỹ thuật cơ khí G	0.0	0.0	0.0	0.0	
31	2125030234	Huỳnh Long	Nhật	03/07/2007	Công nghệ kỹ thuật cơ khí G	8.0	8.0	9.0	8.5	
32	2125030252	Phan Minh	Nhật	12/12/2000	Công nghệ kỹ thuật cơ khí G	8.0	8.0	9.0	8.5	
33	2125030267	Nguyễn Hoàng	Nhu	18/05/2007	Công nghệ kỹ thuật cơ khí G	6.0	8.0	9.0	8.0	
34	2125030237	Bùi Công	Phát	25/04/2007	Công nghệ kỹ thuật cơ khí G	8.0	8.0	9.0	8.5	
35	2125030257	Trần Tấn	Phát	19/12/2007	Công nghệ kỹ thuật cơ khí G	6.0	8.0	9.0	8.0	
36	2124140022	Nguyễn Thanh	Phong	27/12/2005	Công nghệ KT cơ điện tử A	8.0	8.0	9.0	8.5	
37	2125170045	Triệu Lưu Tấn	Phong	17/09/2006	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	8.0	8.0	9.0	8.5	
38	2125030248	Nguyễn Văn	Phòng	29/11/2007	Công nghệ kỹ thuật cơ khí G	2.0	2.0	2.0	2.0	
39	2125030264	Nguyễn Hồng Minh	Quân	11/07/2007	Công nghệ kỹ thuật cơ khí G	2.0	2.0	2.0	2.0	
40	2125170041	Nguyễn Tường Anh	Quý	04/12/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	8.0	7.0	5.0	6.3	
41	2125030256	Văn Tấn	Sinh	01/09/2007	Công nghệ kỹ thuật cơ khí G	2.0	2.0	2.0	2.0	
42	2125030261	Huỳnh Võ Tuấn	Tài	23/12/2007	Công nghệ kỹ thuật cơ khí G	8.0	5.0	9.0	7.8	

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	Điểm quá trình	Ghi chú
43	2125170073	Nguyễn Anh	Tài	27/08/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	8.0	5.0	7.0	6.8	
44	2125030105	Nguyễn Thành	Tây	29/05/2007	Công nghệ kỹ thuật cơ khí G	8.0	7.0	9.0	8.3	
45	2125030236	Nguyễn Phong	Thắng	22/01/2007	Công nghệ kỹ thuật cơ khí G	8.0	7.0	9.0	8.3	
46	2125170048	Phạm Hoàng	Thanh	08/07/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	9.0	7.0	5.0	6.5	
47	2125170011	Nguyễn Đức	Thành	31/10/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	9.0	7.0	8.0	8.0	
48	2125030119	Nguyễn Đức	Thịnh	02/08/2007	Công nghệ kỹ thuật cơ khí G	8.0	7.0	9.0	8.3	
49	2125030260	Huỳnh Mạnh	Trường	25/01/2007	Công nghệ kỹ thuật cơ khí G	8.0	5.0	9.0	7.8	
50	2125170009	Lê Cảnh	Trường	25/11/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	8.0	9.0	8.0	8.3	
51	2125170026	Phạm Xuân	Trường	20/04/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	6.0	9.0	8.0	7.8	
52	2125030240	Huỳnh Anh	Tú	07/12/2007	Công nghệ kỹ thuật cơ khí G	7.0	5.0	8.0	7.0	
53	2125170014	Trần Thái	Tú	26/05/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	8.0	9.0	8.0	8.3	
54	2125030238	Nguyễn Văn	Việt	10/12/2007	Công nghệ kỹ thuật cơ khí G	0.0	0.0	0.0	0.0	
55	2125030280	Trần Phạm Anh	Vũ	07/10/2007	Công nghệ kỹ thuật cơ khí G	0.0	0.0	0.0	0.0	

TPHCM , ngày 7 tháng 07 năm 2026

Giảng viên



Nguyễn Thanh Bình

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC/HỌC PHẦN

Học kỳ: 2 – Năm học: 2025 – 2026

Môn học/Nhóm: Bóng Đá – HP (23401804)

Số tín chỉ: 02

CBGD: Nguyễn Thanh Bình

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
1	2125170046	Nguyễn Lê Quốc	An	27/10/2007	CCQ2517B	7.5	5.0	6,00	
2	2124110340	Lê Nguyễn Ngọc Duy	Anh	19/10/2006	CCQ2411E	7.3	5.0	5,90	
3	2125030245	Ngô Công Gia	Bảo	18/04/2007	CCQ2503G	7.0	8.0	7,60	
4	2125030272	Nguyễn Kim Hải	Đăng	21/05/2007	CCQ2503G	7.0	5.0	5,80	
5	2125170055	Trần Hải	Đăng	09/11/2007	CCQ2517B	7.5	6.0	6,60	
6	2125170003	Bùi Văn	Đạo	01/08/2007	CCQ2517A	7.0	8.0	7,60	
7	2125170054	Cù Quốc Tiến	Đạt	18/03/2007	CCQ2517B	7.5	5.0	6,00	
8	2125170052	Dương Tấn	Đạt	28/02/2007	CCQ2517B	2.0	10.0	6,80	
9	2125030250	Luân Thành	Đạt	22/04/2007	CCQ2503G	2.0	9.0	6,20	
10	2125030242	La Ngọc	Duy	17/02/2007	CCQ2503G	2.0	3.0	2,60	
11	2125030258	Phạm Ngọc	Duy	08/02/2007	CCQ2503G	7.8	5.0	6,10	
12	2125030269	Nguyễn Tấn	Hào	19/10/2007	CCQ2503G	7.8	9.0	8,50	
13	2125030241	Hứa Trung	Hiếu	16/01/2007	CCQ2503G	0.0	0.0	0,00	Nghĩ
14	2125030254	Nguyễn Huỳnh Trung	Hiếu	21/07/2007	CCQ2503G	7.5	5.0	6,00	
15	2124110192	Phùng Văn	Hiếu	23/10/2003	CCQ2411F	7.0	8.0	7,60	
16	2125030263	Lê Huy	Hoàn	03/10/2005	CCQ2503G	7.8	9.0	8,50	
17	2125030235	Nguyễn Ngọc	Hội	15/05/2006	CCQ2503G	7.8	8.0	7,90	
18	2125170059	Nguyễn Ngọc	Hùng	01/06/2006	CCQ2517B	7.8	7.0	7,30	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
19	2125030243	Nguyễn Ngọc	Hưng	04/11/2007	CCQ2503G	0.0	0.0	0,00	Nghĩ
20	2125030255	Hoàng Đức	Huy	06/12/2006	CCQ2503G	8.0	5.0	6,20	
21	2125030232	Lê	Huy	16/10/2007	CCQ2503G	0.0	0.0	0,00	Nghĩ
22	2125030249	Lê Thái	Huy	30/11/2007	CCQ2503G	8.0	6.0	6,80	
23	2125030253	Ngô Thọ	Huy	16/03/2006	CCQ2503G	7.8	9.0	8,50	
24	2125030246	Kinh Quốc	Khánh	26/11/2007	CCQ2503G	2.0	0.0	0,80	
25	2125030268	Nguyễn Vi	Khiêm	27/12/2004	CCQ2503G	2.0	2.0	2,00	
26	2125030259	Võ Văn	Kỳ	21/08/2007	CCQ2503G	0.0	0.0	0,00	Nghĩ
27	2125170079	Trần Hoàng	Long	12/08/2007	CCQ2517B	8.0	6.0	6,80	
28	2125030233	Huỳnh Trọng	Luật	09/01/2007	CCQ2503G	7.5	5.0	6,00	
29	2124330105	Cao Quốc	Minh	22/09/2006	CCQ2433B	6.5	5.0	5,60	
30	2125030239	Nguyễn Lê Thành	Nam	07/12/2007	CCQ2503G	0.0	0.0	0,00	Nghĩ
31	2125030234	Huỳnh Long	Nhật	03/07/2007	CCQ2503G	8.5	5.0	6,40	
32	2125030252	Phan Minh	Nhật	12/12/2000	CCQ2503G	8.5	5.0	6,40	
33	2125030267	Nguyễn Hoàng	Nhu	18/05/2007	CCQ2503G	8.0	8.0	8,00	
34	2125030237	Bùi Công	Phát	25/04/2007	CCQ2503G	8.5	6.0	7,00	
35	2125030257	Trần Tấn	Phát	19/12/2007	CCQ2503G	8.0	8.0	8,00	
36	2124140022	Nguyễn Thanh	Phong	27/12/2005	CCQ2414A	8.5	7.0	7,60	
37	2125170045	Triệu Lưu Tấn	Phong	17/09/2006	CCQ2517B	8.5	5.0	6,40	
38	2125030248	Nguyễn Văn	Phòng	29/11/2007	CCQ2503G	2.0	6.0	4,40	
39	2125030264	Nguyễn Hồng Minh	Quân	11/07/2007	CCQ2503G	2.0	8.0	5,60	
40	2125170041	Nguyễn Tường Anh	Quý	04/12/2007	CCQ2517B	6.3	5.0	5,50	
41	2125030256	Văn Tấn	Sinh	01/09/2007	CCQ2503G	2.0	4.0	3,20	
42	2125030261	Huỳnh Võ Tuấn	Tài	23/12/2007	CCQ2503G	7.8	5.0	6,10	
43	2125170073	Nguyễn Anh	Tài	27/08/2007	CCQ2517B	6.8	5.0	5,70	
44	2125030105	Nguyễn Thành	Tây	29/05/2007	CCQ2503G	8.3	8.0	8,10	
45	2125030236	Nguyễn Phong	Thắng	22/01/2007	CCQ2503G	8.3	8.0	8,10	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
46	2125170048	Phạm Hoàng	Thanh	08/07/2007	CCQ2517B	6.5	8.0	7,40	
47	2125170011	Nguyễn Đức	Thành	31/10/2007	CCQ2517A	8.0	7.0	7,40	
48	2125030119	Nguyễn Đức	Thịnh	02/08/2007	CCQ2503G	8.3	10.0	9,30	
49	2125030260	Huỳnh Mạnh	Trường	25/01/2007	CCQ2503G	7.8	8.0	7,90	
50	2125170009	Lê Cảnh	Trường	25/11/2007	CCQ2517B	8.3	9.0	8,70	
51	2125170026	Phạm Xuân	Trường	20/04/2007	CCQ2517B	7.8	8.0	7,90	
52	2125030240	Huỳnh Anh	Tú	07/12/2007	CCQ2503G	7.0	8.0	7,60	
53	2125170014	Trần Thái	Tú	26/05/2007	CCQ2517B	8.3	6.0	6,90	
54	2125030238	Nguyễn Văn	Việt	10/12/2007	CCQ2503G	0.0	0.0	0,00	Nghĩ
55	2125030280	Trần Phạm Anh	Vũ	07/10/2007	CCQ2503G	0.0	7.0	4,20	

TPHCM , ngày 7 tháng 7 năm 2026
Giảng viên



Nguyễn Thanh Bình